

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Logistics căn bản - MH1104231

Mã lớp học phần: 24311MH110423101 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Ngày thi: 13/5/2025 Giờ thi: 10h Phòng thi: A1.5

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150008	Nguyễn Ngọc Thu An	09/10/2005	C26LG1		4	bốn	
2	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006	C26LG1		8	tám	
3	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006	C26LG1		7	bảy	
4	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006	C26LG1		5	năm	L2
5	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006	C26LG1		6	sáu	
6	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004	C26LG1		9.8	chín, tám	
7	2410150004	Nguyễn Đạt	29/7/2006	C26LG1		4.5	bốn, năm	
8	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005	C26LG1		10	mười	
9	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006	C26LG1		6	sáu	
10	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006	C26LG1		6.5	sáu, năm	
11	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006	C26LG1		6.5	sáu, năm	
12	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006	C26LG1		6.8	sáu, tám	
13	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006	C26LG1		9.3	chín, ba	
14	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi	22/09/2006	C26LG1		8	tám	
15	2410150020	Lê Hữu Nhựt	19/10/2005	C26LG1		4.5	bốn, năm	L2
16	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006	C26LG1		7	bảy	
17	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006	C26LG1		7.3	bảy, ba	
18	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006	C26LG1		9.3	chín, ba	
19	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006	C26LG1		7	bảy	
20	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003	C26LG1		9.3	chín, ba	
21	2410150019	Nguyễn Hữu Trí	30/07/2006	C26LG1				L2
22	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005	C26LG1		5	năm	
23	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006	C26LG1		8	tám	
24	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006	C26LG1		5.5	năm, năm	
25	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy	23/08/2006	C26LG1		7.5	bảy, năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 44 vắng thi: 1 . Số bài thi: 24 / 24 .

Ngày 24 tháng 6 năm 2025

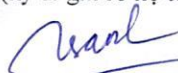
Ngày 24 tháng 6 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa


Nguyễn Hữu Linh

TRƯỜNG

TRƯỜNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Logistics căn bản - MH1104231

Mã lớp học phần: 24311MH110423101 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Ngày thi: 26/15/2025 Giờ thi: 10h Phòng thi: A1.6

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150008	Nguyễn Ngọc Thu An	09/10/2005	C26LG1		7.3	bảy, ba	
2	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006	C26LG1		7.3	bảy, ba	
3	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006	C26LG1		6.8	sáu, tám	L2
4	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006	C26LG1		7.8	bảy, tám	
5	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006	C26LG1		7	bảy	
6	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004	C26LG1		7.8	bảy, tám	
7	2410150004	Nguyễn Đạt	29/7/2006	C26LG1		8.5	tám, năm	
8	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005	C26LG1		7	bảy	
9	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006	C26LG1		7	bảy	
10	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006	C26LG1		6.8	sáu, tám	
11	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006	C26LG1		8.5	tám, năm	
12	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006	C26LG1		6.8	sáu, tám	
13	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006	C26LG1		7	bảy	
14	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi	22/09/2006	C26LG1		7	bảy	
15	2410150020	Lê Hữu Nhựt	19/10/2005	C26LG1		8.5	tám, năm	L2
16	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006	C26LG1		7.3	bảy, ba	
17	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006	C26LG1		8	tám	
18	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006	C26LG1		7.3	bảy, ba	
19	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006	C26LG1		7.3	bảy, ba	
20	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003	C26LG1		7.8	bảy, tám	
21	2410150019	Nguyễn Hữu Trí	30/07/2006	C26LG1				L2
22	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005	C26LG1		7.8	bảy, tám	
23	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006	C26LG1		7.3	bảy, ba	
24	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006	C26LG1		7.3	bảy, ba	
25	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy	23/08/2006	C26LG1		8.5	tám, năm	

- Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 14 vắng thi: 1. Số bài thi: 14 / 14.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

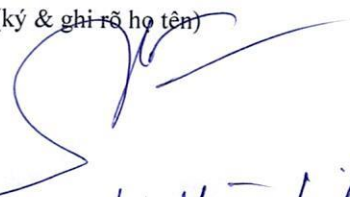
(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa

Ngày 24 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Lê Thị Hoàng Linh

TK

PHÒNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Logistics căn bản - MH1104231

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24311MH110423101 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 12/5/2025 Giờ thi: 10h Phòng thi: A.6

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006	C26LG2		8.5	tám, năm	
2	2410150049	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	29/11/2006	C26LG2				L2
3	2410150043	Nguyễn Đức Hoàng Dương	18/02/2003	C26LG2		8.5	tám, năm	
4	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006	C26LG2		5	năm	
5	2410150044	Trịnh Nguyễn Đức Hòa	24/05/2006	C26LG2		5	năm	
6	2410150011	Phan Văn Khải	21/10/2005	C26LG2		4.5	bốn, năm	
7	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc Khánh	10/09/2006	C26LG2		8	tám	
8	2410150046	Nguyễn Lộc Anh Khoa	13/03/2001	C26LG2				
9	2410150039	Trần Hoàng Bảo Luân	18/06/2006	C26LG2		5	năm	
10	2410150038	Nguyễn Thành Luông	06/03/2006	C26LG2		5	năm	
11	2410150036	Võ Thị Như Ngọc	10/06/2006	C26LG2		6	sáu	
12	2410150050	Phan Yến Nhi	20/12/2005	C26LG2				
13	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhựt	30/08/2006	C26LG2		4	bốn	
14	2410150042	Nguyễn Thanh Phong	27/12/2006	C26LG2				L2
15	2410150056	Trần Vũ Thanh Phong	19/04/2006	C26LG2		4	bốn	
16	2410150055	Nguyễn Trần Minh Tân	05/06/2005	C26LG2		3.5	ba, năm	
17	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006	C26LG2		4	bốn	
18	2410150047	Đặng Thị Mỹ Tiên	22/05/2005	C26LG2		5	năm	
19	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006	C26LG2		4.5	bốn, năm	
20	2410150048	Nguyễn Ngọc Tuấn	26/12/2006	C26LG2				L2
21	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004	C26LG2		8.5	tám, năm	
22	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006	C26LG2		7.3	bảy, ba	
23	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006	C26LG2		9.5	chín, năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 18 vắng thi: 5. Số bài thi: 18 / 18.

Ngày: 25 tháng 6 năm 2015

Ngày: 26 tháng 6 năm 2015

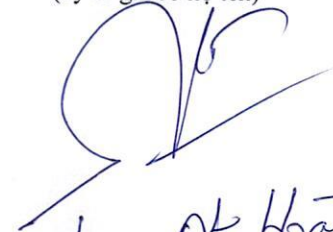
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Lương Ng Hoa hiep

TRƯỞNG

1/1/15

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Logistics căn bản - MH1104231

Mã lớp học phần: 24311MH110423101 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Ngày thi: 26/5/2025 Giờ thi: 10h Phòng thi: A1-6

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150041	Nguyễn Duyên	Anh	28/05/2006	C26LG2		6.8	Sáu, tám	
2	2410150049	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	29/11/2006	C26LG2				L2
3	2410150043	Nguyễn Đức Hoàng	Dương	18/02/2003	C26LG2		8.5	Tám, năm	
4	2410150031	Thị Cẩm	Giang	04/11/2006	C26LG2		8	Tám	
5	2410150044	Trịnh Nguyễn Đức	Hòa	24/05/2006	C26LG2		6	Sáu	
6	2410100011	Phan Văn	Khải	21/10/2005	C26LG2		7	Bảy	
7	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc	Khánh	10/09/2006	C26LG2		7.8	Bảy, tám	
8	2410150046	Nguyễn Lộc Anh	Khoa	13/03/2001	C26LG2				
9	2410150039	Trần Hoàng Bảo	Luân	18/06/2006	C26LG2		6	Sáu	
10	2410150038	Nguyễn Thành	Luông	06/03/2006	C26LG2		6	Sáu	
11	2410150036	Võ Thị Như	Ngọc	10/06/2006	C26LG2		7.3	Bảy, ba	
12	2410150050	Phan Yến	Nhi	20/12/2005	C26LG2				
13	2410150045	Nguyễn Phan Minh	Nhật	30/08/2006	C26LG2		6	Sáu	
14	2410150042	Nguyễn Thanh	Phong	27/12/2006	C26LG2				L2
15	2410150056	Trần Vũ Thanh	Phong	19/04/2006	C26LG2		8	Tám	
16	2410150055	Nguyễn Trần Minh	Tân	05/06/2005	C26LG2		8	Tám	
17	2410150032	Danh Thị Hồng	Thái	24/07/2006	C26LG2		8	Tám	
18	2410150047	Đặng Thị Mỹ	Tiên	22/05/2005	C26LG2		7.3	Bảy, ba	
19	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh	Trúc	25/12/2006	C26LG2		7.3	Bảy, ba	
20	2410150048	Nguyễn Ngọc	Tuấn	26/12/2006	C26LG2				L2
21	2410170040	Nguyễn Khánh	Vi	18/12/2004	C26LG2		7.8	Bảy, tám	
22	2410160018	Nguyễn Thị Kiều	Vi	20/08/2006	C26LG2		7.3	Bảy, ba	
23	2410150033	Lê Nguyễn Như	Ý	17/02/2006	C26LG2		8	Tám	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 18 vắng thi: 5 . Số bài thi: 18 / 18 .

Ngày 24...tháng...6...năm...2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa

Ngày 24...tháng...6...năm...2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Huỳnh Ngà Hoàng Linh

TRƯỚC

17/7/25

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Logistics căn bản - MH1104231

Mã lớp học phần: 24311MH110423101 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh

Ngày thi: 24/07/2025 Giờ thi: 07h45 Phòng thi: A1.12

Giám thị 1: Trần Văn Long

Ký tên: 

Giám thị 2: Lương Nguyễn Hoài Linh

Ký tên: 

Giám thị 3: Cao Thế Oanh

Ký tên: 

Giám thị 4:

Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410150008	Nguyễn Ngọc Thu An	09/10/2005		1	6	Sau	C26LG1	
2	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006		1	8,5	trên, năm	C26LG1	
3	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006		4	7	bảy	C26LG2	
4	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006		1	6,5	Sau, năm	C26LG1	
5	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006		1	8	tám	C26LG1	
6	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006		1	5,5	năm, năm	C26LG1	
7	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004		1	9,5	chín, năm	C26LG1	
8	2410150043	Nguyễn Đức Hoàng Dương	18/02/2003		1	9	chín	C26LG2	
9	2410150004	Nguyễn Đạt	29/7/2006		1	7	bảy	C26LG1	
10	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005		1	8,5	trên, năm	C26LG1	
11	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006		1	6,5	Sau, năm	C26LG2	
12	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006		1	5	năm	C26LG1	
13	2410150044	Trịnh Nguyễn Đức Hòa	24/05/2006					C26LG2	✓
14	2410100011	Phan Văn Khải	21/10/2005		1	5,5	năm, năm	C26LG2	
15	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc Khánh	10/09/2006		1	8	tám	C26LG2	
16	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006		1	6	sáu	C26LG1	
17	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006		1	6,5	trên, năm	C26LG1	
18	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006		1	5,5	năm, năm	C26LG1	
19	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006		1	7,5	bảy, năm	C26LG1	
20	2410150039	Trần Hoàng Bảo Luân	18/06/2006					C26LG2	✓
21	2410150038	Nguyễn Thành Luông	06/03/2006					C26LG2	✓
22	2410150036	Võ Thị Như Ngọc	10/06/2006		1	6,5	Sau, năm	C26LG2	
23	2410150011	Phạm Thị Yển Nhi	22/09/2006		1	7	bảy	C26LG1	
24	2410150020	Lê Hữu Nhựt	19/10/2005		1	7	bảy	C26LG1	
25	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhựt	30/08/2006		1	4	bốn	C26LG2	
26	2410150056	Trần Vũ Thanh Phong	19/04/2006		1	6,5	bảy, năm	C26LG2	
27	2410150055	Nguyễn Trần Minh Tân	05/06/2005		1	5,5	năm, năm	C26LG2	
28	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006		1	8	tám	C26LG1	
29	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006		1	6,5	Sau, năm	C26LG1	
30	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006		1	6	sáu	C26LG1	
31	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006		1	8	tám	C26LG2	
32	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006		1	7,5	bảy, năm	C26LG1	
33	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003		1	8,5	trên, năm	C26LG1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
34	2410150047	Đặng Thị Mỹ	Tiên	22/05/2005	1	5	nan	C26LG2	
35	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh	Trúc	25/12/2006	1	4	nan	C26LG2	
36	2410150029	Trần Thị Thanh	Trúc	22/07/2005	1	8	nan	C26LG1	
37	2410150025	Ông Thị Mỹ	Tú	25/10/2006	1	7.5	nan	C26LG1	
38	2410150006	Nguyễn Hồ Phương	Uyên	23/04/2006	1	4	nan	C26LG1	
39	2410170040	Nguyễn Khánh	Vi	18/12/2004	1	9	nan	C26LG2	
40	2410160018	Nguyễn Thị Kiều	Vi	20/08/2006	1	8	nan	C26LG2	
41	2410150017	Phạm Ngọc Đan	Vy	23/08/2006	1	7.5	nan	C26LG1	
42	2410150033	Lê Nguyễn Như	Ý	17/02/2006	1	6	nan	C26LG2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 39 vắng thi: 03 Số bài thi/Số tờ: 39 / 39.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 02 tháng 8 năm 2015

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

(Signature)

Trần Phú Hòa

Ngày 01 tháng 8 năm 2015

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(Signature)

Lê Thị Hoàng Anh

TRƯỜNG CĐBC C
PHÒNG K:
BẢO ĐẢM C